HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TẠ THỊ THANH TÂM

BIẾN ĐỔI QUAN HỆ GIỚI TRONG GIA ĐÌNH DÂN TỘC MÔNG VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM HIỆN NAY

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG VÀ DUY VẬT LỊCH SỬ
Mã số: 9229002

HÀ NỘI - 2026

Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Người hướng dẫn khoa học: **1. PGS.TS. Đỗ Thị Thạch**

2. TS. Hoàng Thu Trang

Phản biện 1: .....
.....

Phản biện 2: .....
.....

Phản biện 3: .....
.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện
Họp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
Vào hồi……giờ……ngày……tháng……năm 2026

Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Quan hệ giới là một quan hệ xã hội - lịch sử, được hình thành và biến đổi trong mối liên hệ với điều kiện kinh tế, phương thức sinh kế, hệ giá trị văn hóa và thiết chế xã hội của mỗi cộng đồng. Gia đình là một thiết chế xã hội cơ bản, nơi các vai trò, trách nhiệm và tương quan quyền lực giới được hình thành, duy trì hoặc điều chỉnh trong đời sống hằng ngày. Trong phạm vi gia đình, quan hệ giữa vợ và chồng giữ vị trí trung tâm, thể hiện tập trung ở sự phân công lao động, khả năng tiếp cận và kiểm soát nguồn lực, quá trình ra quyết định và sự thụ hưởng thành quả phát triển. Vì vậy, nghiên cứu QHG trong gia đình góp phần nhận diện mức độ hiện thực hóa BĐG và những điều kiện xã hội bảo đảm sự phát triển bền vững của gia đình, cộng đồng.

Trên bình diện quốc tế, BĐG được thừa nhận là một nguyên tắc gắn với quyền con người và được khẳng định trong nhiều văn kiện của Liên Hợp Quốc, như Tuyên ngôn quốc tế về quyền con người năm 1948 và Công ước xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ năm 1979. Chương trình nghị sự 2030 về phát triển bền vững tiếp tục đặt yêu cầu xóa bỏ phân biệt đối xử, bạo lực đối với phụ nữ và thúc đẩy chia sẻ trách nhiệm chăm sóc trong gia đình. Các định hướng này cho thấy bất bình đẳng giới trong gia đình vừa trực tiếp hạn chế quyền và cơ hội phát triển của các thành viên, vừa có thể góp phần tái sản xuất bất bình đẳng giới trong các lĩnh vực khác của đời sống xã hội.

Ở Việt Nam, bình đẳng giữa nam và nữ được Đảng và Nhà nước quan tâm từ rất sớm và từng bước thể chế hóa trong hệ thống chính sách, pháp luật. Ngay từ Hiến pháp năm 1946, nguyên tắc "nam nữ bình quyền" đã được xác lập; các bản Hiến pháp và văn bản pháp luật sau đó tiếp tục cụ thể hóa quyền bình đẳng trong gia đình và xã hội. Đây là cơ sở quan trọng để xây dựng gia đình Việt Nam theo các giá trị "tiến bộ, văn minh, ấm no, hạnh phúc" được nêu trong Văn kiện Đại hội XIV của Đảng. Tuy nhiên, khoảng cách giữa quan điểm của Đảng, quy định pháp luật và thực hành đời sống vẫn tồn tại, nhất là ở một số vùng đồng bào DTTS, nơi điều kiện phát

triển còn khó khăn và các chuẩn mực văn hóa truyền thống có sức chi phối đáng kể.

Dân tộc Mông là một trong những DTTS có dân số đông ở Việt Nam, cư trú chủ yếu tại vùng trung du và MNPB. Điều kiện KT - XH cùng những đặc trưng về văn hóa, luật tục và thiết chế dòng họ đã chi phối sâu sắc QHG trong gia đình người Mông. Trong quá trình đổi mới, sự phát triển KT - XH, mở rộng giáo dục và thực hiện các chính sách BĐG đã tạo điều kiện thúc đẩy những biến đổi trong quan hệ giữa vợ và chồng, nhất là sự tham gia của phụ nữ vào các hoạt động kinh tế, xã hội và quyết định công việc gia đình. Tuy nhiên, quá trình biến đổi diễn ra không đồng đều; những yếu tố tiến bộ đan xen với ảnh hưởng của tư tưởng phụ hệ, sự gia tăng vai trò của phụ nữ chưa đồng nghĩa với bình đẳng thực chất về quyền quyết định và kiểm soát nguồn lực. Thực tiễn đó đặt ra yêu cầu nghiên cứu, làm rõ mối quan hệ biện chứng giữa biến đổi điều kiện KT - XH với biến đổi QHG, tính độc lập tương đối và sự tác động trở lại của các yếu tố văn hóa, luật tục, thiết chế truyền thống; từ đó nhận diện chiều hướng, mức độ và những nhân tố chi phối quá trình biến đổi, làm cơ sở đề xuất giải pháp phù hợp.

Đến nay đã có một số công trình nghiên cứu liên quan đến gia đình và QHG trong cộng đồng DTTS, song các nghiên cứu chuyên sâu về sự biến đổi QHG trong gia đình dân tộc Mông từ góc độ triết học - xã hội vẫn còn "khoảng trống", đặc biệt trong bối cảnh biến đổi rất mạnh mẽ về KT-XH và hội nhập hiện nay.

Xuất phát từ những cơ sở lý luận và thực tiễn nêu trên, nghiên cứu sinh chọn chủ đề ***"Biến đổi quan hệ giới trong gia đình dân tộc Mông vùng trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay"*** làm đề tài luận án tiến sĩ ngành Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở làm rõ một số vấn đề lý luận và phân tích thực trạng biến đổi QHG giữa vợ và chồng trong gia đình dân tộc Mông vùng trung du và MNPB Việt Nam hiện nay, luận án đề xuất quan điểm và giải pháp thúc đẩy QHG biến

đổi theo xu hướng bình đẳng, tiến bộ, phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững của vùng và đất nước.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.
- Hệ thống, khái quát một số vấn đề lý luận về biến đổi QHG trong gia đình dân tộc Mông vùng trung du và MNPB.
- Phân tích thực trạng biến đổi QHG trong gia đình dân tộc Mông vùng trung du và MNPB Việt Nam hiện nay, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra.
- Đề xuất quan điểm và giải pháp thúc đẩy QHG trong gia đình dân tộc Mông vùng trung du và MNPB biến đổi theo hướng tiến bộ, bình đẳng phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án nghiên cứu sự biến đổi QHG trong gia đình dân tộc Mông vùng trung du và MNPB.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: Luận án tập trung nghiên cứu sự biến đổi QHG giữa vợ và chồng trong gia đình dân tộc Mông vùng trung du và MNPB trên hai phương diện cơ bản. Một là, sự biến đổi trong phân công lao động giữa vợ và chồng, bao gồm lao động sản xuất tạo thu nhập, công việc nội trợ - chăm sóc gia đình và tham gia các hoạt động cộng đồng. Hai là, sự biến đổi trong việc tham gia ra quyết định đối với hoạt động sản xuất, chi tiêu, giáo dục con cái và những công việc quan trọng khác của gia đình, được nhận diện thông qua mức độ tham gia bàn bạc, mức độ ảnh hưởng của ý kiến, người đưa ra quyết định cuối cùng và khả năng kiểm soát các nguồn lực. Hai phương diện này phản ánh trực tiếp sự phân chia trách nhiệm và tương quan vị thế giữa vợ và chồng trong gia đình. Các chỉ báo về sở hữu tài sản, đại diện gia đình trong các quan hệ xã hội và mức độ thụ hưởng được sử dụng để bổ trợ cho quá trình phân tích; đồng thời, luận án không đồng nhất việc vợ và chồng "cùng tham gia" với sự BĐG thực chất.

Về không gian: (1) Vùng trung du và MNPB Việt Nam hiện nay gồm 9 tỉnh. Khảo sát thực địa của luận án được tiến hành tại ba địa bàn: xã Đồng

Văn, tỉnh Tuyên Quang; xã Bắc Hà và xã Mù Cang Chải, tỉnh Lào Cai. Khách thể khảo sát hộ gia đình là người đang sống trong gia đình có đầy đủ vợ và chồng, trong đó ít nhất một người là dân tộc Mông. Luận án sử dụng thống nhất thuật ngữ "Mông" theo Công văn số 1488/UBDT-CSDT ngày 09/9/2022 của Ủy ban Dân tộc; các cách viết Hmông hoặc H'mông chỉ được giữ lại khi dẫn tên tài liệu hoặc trích dẫn nguyên văn. Trong phạm vi luận án, QHG được phân tích tập trung ở quan hệ giữa vợ và chồng.

Về thời gian: Luận án xem xét quá trình biến đổi QHG bắt đầu khi có Luật Bình đẳng giới (ban hành năm 2006 và có hiệu lực từ năm 2007). Dữ liệu sơ cấp được thu thập theo thiết kế nghiên cứu cắt ngang vào cuối năm 2024 và đầu năm 2025; do đó, luận án không theo dõi liên tục cùng một nhóm hộ gia đình trong toàn bộ giai đoạn nghiên cứu. Sự biến đổi QHG theo thời gian được nhận diện thông qua việc đối chiếu kết quả khảo sát của luận án với các tư liệu lịch sử, kết quả nghiên cứu và số liệu đã được công bố trong những thời kỳ trước. Một số tài liệu trước năm 2007 cũng được sử dụng nhằm xác lập đường cơ sở và làm rõ bối cảnh lịch sử của quá trình biến đổi.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện trên cơ sở lý luận và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về con người, gia đình, giải phóng phụ nữ và bình đẳng nam - nữ; đồng thời vận dụng quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về BĐG, xây dựng gia đình và phát triển vùng đồng bào DTTS.

Luận án kế thừa có chọn lọc các lý thuyết và kết quả nghiên cứu trong nước, ngoài nước, cùng các báo cáo của tổ chức quốc tế liên quan đến QHG, gia đình, biến đổi xã hội và BĐG trong cộng đồng DTTS nói chung, dân tộc Mông vùng trung du và MNPB nói riêng.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, luận án kết hợp các phương pháp nghiên cứu triết học với một số

phương pháp liên ngành nhằm làm rõ mối liên hệ giữa điều kiện vật chất, ý thức xã hội, thiết chế và hoạt động của các chủ thể trong quá trình biến đổi QHG, cụ thể như sau:

Phương pháp lịch sử và lôgic: nhằm làm rõ quá trình vận động, biến đổi của QHG trong gia đình dân tộc Mông

Phương pháp phân tích và tổng hợp: để hệ thống hóa cơ sở lý luận, phân tích thực trạng và xu hướng biến đổi

Phương pháp so sánh và đối chiếu: nhằm làm rõ sự khác biệt giữa mô hình truyền thống với xu hướng biến đổi hiện nay

Phương pháp phân tích giới: để đánh giá sự thay đổi về vai trò, vị thế, quyền lực và sự phân chia nguồn lực giữa vợ và chồng;

Phương pháp nghiên cứu dân tộc học: thông qua khảo sát thực địa nhằm phản ánh đặc trưng văn hóa và kiểm chứng các kết quả nghiên cứu

Phương pháp điều tra xã hội học: Luận án điều tra xã hội học bằng bảng hỏi và phỏng vấn sâu tại 03 địa bàn nghiên cứu, khảo sát 459 hộ gia đình dân tộc Mông và 125 cán bộ, giáo viên trên địa bàn. Dữ liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS 20, kết hợp với phân tích tài liệu thứ cấp và dữ liệu định tính để làm rõ thực trạng, xu hướng biến đổi QHG trong gia đình dân tộc Mông vùng trung du và MNPB Việt Nam hiện nay.

5. Những đóng góp mới của luận án

- *Về lý luận*, luận án xác lập quan niệm biến đổi QHG theo nghĩa trung tính về chiều hướng; phân biệt biến đổi với BĐG như một chuẩn mực đánh giá; xây dựng khung phân tích gồm hai trục là phân công lao động và quá trình ra quyết định, đồng thời luận giải cơ chế tác động qua lại giữa điều kiện vật chất, ý thức xã hội, thiết chế và hoạt động của các chủ thể.

- *Về thực tiễn*, trên cơ sở kết hợp ba lớp bằng chứng gồm tài liệu đã công bố, khảo sát định lượng cắt ngang và tư liệu định tính, luận án nhận diện tính không đồng đều của biến đổi QHG giữa các lĩnh vực, thế hệ và địa bàn; chỉ ra khoảng cách có thể tồn tại giữa sự tham gia của phụ nữ với quyền quyết định cuối cùng, quyền tài sản và khả năng kiểm soát nguồn lực.

- *Về quan điểm và giải pháp,* luận án liên kết năm vấn đề đặt ra với bốn quan điểm và năm nhóm giải pháp có tính đặc thù văn hóa, chú ý trách nhiệm đồng thời của phụ nữ, nam giới, gia đình, dòng họ, cộng đồng và hệ thống chính trị trong bối cảnh chính quyền địa phương hai cấp và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn II (2026-2030).

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án góp phần cụ thể hóa cách tiếp cận chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử trong nghiên cứu QHG như một quan hệ xã hội - lịch sử; làm rõ mối liên hệ giữa điều kiện vật chất, ý thức xã hội, thiết chế và hoạt động của các chủ thể trong quá trình biến đổi QHG ở gia đình dân tộc Mông.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả khảo sát và các luận cứ của luận án có thể được sử dụng làm nguồn tham khảo cho việc xây dựng, thực hiện và đánh giá chính sách về BĐG, gia đình và phát triển vùng đồng bào DTTS, nhất là các can thiệp liên quan đến phân công lao động, quyền tài sản, quyền quyết định và sự tham gia thực chất của phụ nữ Mông.

Kết quả nghiên cứu có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong nghiên cứu, giảng dạy và học tập các chuyên đề liên quan đến triết học xã hội, gia đình, BĐG, QHG và biến đổi QHG trong cộng đồng DTTS.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các công trình khoa học của tác giả liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung của luận án bao gồm 4 chương, 11 tiết.

Chương 1
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ LÝ LUẬN QUAN HỆ GIỚI, BIẾN ĐỔI QUAN HỆ GIỚI TRONG GIA ĐÌNH, GIA ĐÌNH DÂN TỘC MÔNG Ở VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC

Các công trình nghiên cứu về lý luận giới, QHG và biến đổi QHG. Tiêu biểu của Phan Thanh Khôi, Đỗ Thị Thạch, Trịnh Quốc Tuấn, Nguyễn Hữu Minh, Nghiêm Sỹ Liêm, Trương Thu Trang, Phạm Văn Bích và nhiều tác giả khác đã làm rõ các khái niệm giới, QHG, BĐG, phân công lao động theo giới, quyền ra quyết định trong gia đình và những nhân tố tác động đến sự biến đổi QHG. Các nghiên cứu khẳng định QHG là hiện tượng xã hội mang tính lịch sử, chịu sự chi phối của các điều kiện kinh tế, văn hóa, chính trị và các chuẩn mực xã hội.

Nhóm các công trình nghiên cứu về gia đình DTTS và gia đình dân tộc Mông. Tiêu biểu là công trình của Vương Duy Quang, Nguyễn Thị Hà, Trần Lệ Thanh, Hồ Lý Giang, Ma Thị Thanh Hiếu. Các tác phẩm này đã làm rõ đặc điểm gia đình dân tộc Mông, vai trò của dòng họ, luật tục, thiết chế văn hóa truyền thống và các chuẩn mực giới trong đời sống gia đình. Qua đó, các nghiên cứu góp phần nhận diện những đặc trưng của mô hình gia đình phụ hệ và cơ chế duy trì các QHG trong cộng đồng người Mông.

1.2. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN THỰC TRẠNG BIẾN ĐỔI QUAN HỆ GIỚI TRONG GIA ĐÌNH DÂN TỘC THIỂU SỐ, DÂN TỘC MÔNG VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC

Nghiên cứu vấn đề này, tiêu biểu có các tác giả như Trần Hữu Sơn, Đặng Thị Hoa, Lãnh Thị Bích Hoà, Vi Văn An, Đàm Thị Uyên, Phùng Thị Sinh, Vương Duy Quang, Nguyễn Thị Hà, Hồ Lý Giang, UN Women, World Bank và nhiều học giả khác. Nhìn chung, các công trình đã phản ánh khá rõ sự biến đổi QHG trong gia đình DTTS và gia đình dân tộc Mông dưới tác động của phát triển kinh tế thị trường, giáo dục, đô thị hóa, giao lưu văn hóa, chính sách dân tộc và BĐG. Các nghiên cứu cho thấy vai trò kinh tế và vị thế của phụ nữ

ngày càng được nâng lên; xu hướng vợ chồng cùng tham gia lao động sản xuất, chăm sóc gia đình và cùng ra quyết định ngày càng phổ biến hơn. Đồng thời, nhiều công trình cũng chỉ ra ảnh hưởng dai dẳng của các yếu tố văn hóa truyền thống, luật tục, tư tưởng trọng nam và mô hình gia đình phụ hệ đối với phân công lao động và quyền lực trong gia đình dân tộc Mông hiện nay.

1.3. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY BIẾN ĐỔI QUAN HỆ GIỚI TRONG GIA ĐÌNH, GIA ĐÌNH DÂN TỘC MÔNG VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC THEO XU HƯỚNG BÌNH ĐẲNG, TIẾN BỘ

Nghiên cứu vấn đề này, tiêu biểu có các tác giả như M. Evertsson, Nguyễn Lệ Thu, Nguyễn Thị Nội, Vũ Thị Thanh Minh, cùng các tổ chức trong nước và quốc tế. Nhìn chung, các công trình đã đề cập đến nhiều quan điểm và giải pháp thúc đẩy BĐG trong gia đình và cộng đồng DTTS, tập trung vào nâng cao nhận thức về giới, hoàn thiện chính sách và pháp luật, phát triển kinh tế hộ gia đình, tăng cường tiếp cận giáo dục và nguồn lực cho phụ nữ, phát huy vai trò của hệ thống chính trị cơ sở và người có uy tín trong cộng đồng. Đối với dân tộc Mông, nhiều nghiên cứu nhấn mạnh yêu cầu kết hợp giữa thúc đẩy BĐG với bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống tích cực, đồng thời nâng cao vị thế và vai trò chủ thể của phụ nữ trong gia đình và đời sống cộng đồng.

1.4. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ CÁC CÔNG TRÌNH TỔNG QUAN VÀ NHỮNG NỘI DUNG LUẬN ÁN CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.4.1. Khái quát kết quả các công trình đã tổng quan

Thứ nhất, về lý luận biến đổi QHG trong gia đình dân tộc Mông ở vùng trung du và MNPB. Các công trình đã làm rõ những vấn đề lý luận về giới, QHG, BĐG, QHG trong gia đình và biến đổi QHG; đồng thời bước đầu phân tích đặc điểm, nội dung và các nhân tố tác động đến sự biến đổi QHG trong gia đình dân tộc Mông. Đặc biệt, nhiều nghiên cứu thống nhất khẳng định phân công lao động và quyền ra quyết định là hai chỉ báo trung tâm phản ánh mức độ BĐG trong gia đình. Đây là cơ sở lý luận quan trọng để luận án kế thừa và xây dựng khung nghiên cứu.

Thứ hai, về thực trạng, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra từ sự biến đổi QHG trong gia đình DTTS, dân tộc Mông vùng trung du và MNPB Việt Nam

hiện nay. Các nghiên cứu đều cho thấy QHG trong gia đình đang biến đổi theo hướng bình đẳng, tiến bộ hơn, thể hiện qua sự gia tăng chia sẻ giữa vợ và chồng trong phân công lao động và ra quyết định. Đồng thời, nhiều công trình đã chỉ ra những tác động của điều kiện KT-XH, văn hóa, giáo dục và chính sách đối với quá trình biến đổi này, cũng như những hạn chế và khoảng cách giới vẫn còn tồn tại, nhất là ở vùng đồng bào DTTS.

Thứ ba, về quan điểm và giải pháp thúc đẩy QHG trong gia đình dân tộc Mông vùng trung du và MNPB theo hướng bình đẳng, tiến bộ. Nhiều công trình đã đề xuất các giải pháp thúc đẩy BĐG thông qua phát triển kinh tế, nâng cao dân trí, hoàn thiện chính sách, phát huy vai trò của phụ nữ và tăng cường truyền thông. Đây là những gợi mở quan trọng để luận án kế thừa và phát triển trong việc đề xuất hệ thống quan điểm, giải pháp phù hợp với đặc điểm gia đình dân tộc Mông vùng trung du và MNPB.

Bên cạnh những giá trị đạt được, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống sự biến đổi QHG giữa vợ và chồng trong gia đình dân tộc Mông vùng trung du và MNPB dưới góc độ triết học, gắn kết giữa cơ sở lý luận, thực trạng, nguyên nhân, những vấn đề đặt ra và hệ thống quan điểm, giải pháp. Đây chính là khoảng trống mà luận án tập trung nghiên cứu.

1.4.2. Những nội dung luận án nghiên cứu

Một là, luận án hệ thống, khái quát lý luận về biến đổi QHG trong gia đình dân tộc Mông. Trên cơ sở làm rõ các khái niệm giới, QHG, BĐG, QHG trong gia đình và biến đổi QHG, luận án xác định hai trục phân tích là phân công lao động và quá trình ra quyết định; đồng thời phân tích các nhóm nhân tố thuộc điều kiện tự nhiên - vật chất, văn hóa - xã hội, chính sách - pháp luật và quá trình thị trường hóa, hiện đại hóa, hội nhập, truyền thông số. Khung lý luận nhấn mạnh mối liên hệ giữa điều kiện vật chất, ý thức xã hội, thiết chế và hoạt động của các chủ thể.

Hai là, luận án phân tích thực trạng bằng ba lớp bằng chứng: tài liệu và nghiên cứu đã công bố để xác lập bối cảnh lịch sử; khảo sát định lượng cắt ngang cuối năm 2024, đầu năm 2025 để mô tả mẫu; phỏng vấn, thảo luận nhóm và quan sát để giải thích, kiểm tra chéo. Trên hai trục phân công lao động và quá trình ra quyết định, luận án nhận diện chiều hướng, mức độ và tính không

đồng đều của biến đổi; phân tích nguyên nhân và năm vấn đề đặt ra. Thiết kế này cho phép nhận diện xu hướng nhưng không chứng minh sự thay đổi nhân quả ở cùng một nhóm hộ từ năm 2007.

Ba là, từ năm vấn đề đặt ra, luận án xác lập bốn quan điểm và đề xuất năm nhóm giải pháp: nâng cao nhận thức; phát triển sinh kế gắn với quyền kiểm soát nguồn lực; hoàn thiện chính sách và thực thi nhạy cảm văn hóa; tăng cường phối hợp ở cơ sở và vai trò người có uy tín; phát huy vai trò chủ thể của phụ nữ gắn với trách nhiệm của nam giới, gia đình và cộng đồng. Hệ thống giải pháp được đặt trong bối cảnh chính quyền địa phương hai cấp và Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030.

Tiểu kết chương 1

Chương 2
BIẾN ĐỔI QUAN HỆ GIỚI TRONG GIA ĐÌNH DÂN TỘC MÔNG VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM HIỆN NAY: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

2.1. CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN CỦA LUẬN ÁN

2.1.1. Khái niệm giới

Giới là phạm trù xã hội phản ánh vị thế, vai trò, trách nhiệm và các mối quan hệ xã hội giữa nam và nữ được hình thành trong những điều kiện lịch sử - xã hội nhất định. Khác với giới tính mang tính sinh học, giới mang tính xã hội, chịu sự tác động của điều kiện kinh tế, văn hóa, chính trị và có khả năng biến đổi theo từng giai đoạn phát triển của xã hội. Trên cơ sở kế thừa những quan điểm lý luận nêu trên, tác giả luận án hiểu: "*Giới là một phạm trù xã hội dùng để chỉ vị thế, vai trò, trách nhiệm và các mối quan hệ xã hội giữa nam và nữ được hình thành trong những điều kiện lịch sử - xã hội nhất định*". Khái niệm giới là điểm xuất phát để nghiên cứu các quan hệ xã hội giữa nam và nữ, đồng thời là cơ sở hình thành khái niệm QHG.

2.1.2. Khái niệm quan hệ giới

Nếu khái niệm giới phản ánh những thuộc tính xã hội của nam và nữ thì QHG phản ánh sự tương tác giữa hai chủ thể giới trong những điều kiện lịch sử

- xã hội cụ thể. Quan hệ giới không chỉ thể hiện sự phân công vai trò mà còn phản ánh sự phân bổ quyền lực, trách nhiệm và khả năng tiếp cận, kiểm soát, thụ hưởng các nguồn lực giữa nam và nữ. Trên cơ sở kế thừa các quan điểm nghiên cứu, luận án quan niệm: *"Quan hệ giới là hệ thống các mối quan hệ xã hội giữa nam và nữ được hình thành, tồn tại và biến đổi trong những điều kiện lịch sử - xã hội cụ thể, phản ánh sự phân công và tương tác về vai trò, vị thế, quyền lực, trách nhiệm, cũng như khả năng tiếp cận, kiểm soát và thụ hưởng các nguồn lực của hai giới trong gia đình và xã hội*". Quan niệm trên cho phép phân tích một cách toàn diện sự vận động của các mối quan hệ giữa nam và nữ trong những bối cảnh xã hội cụ thể, đồng thời làm rõ những nhân tố kinh tế, văn hóa và thể chế tác động đến sự biến đổi của QHG trong xã hội hiện đại.

2.1.3. Khái niệm bình đẳng giới

Bình đẳng giới là mục tiêu hướng tới của sự phát triển xã hội và là phương diện phản ánh trình độ phát triển của QHG. Bình đẳng giới không đồng nhất vai trò giữa nam và nữ mà bảo đảm sự bình đẳng về cơ hội, quyền, trách nhiệm và điều kiện phát triển của cả hai giới. Trên cơ sở kế thừa các quan điểm lý luận và quy định của pháp luật Việt Nam, luận án quan niệm: *"Bình đẳng giới là trạng thái xã hội trong đó nam và nữ có vị thế, quyền lợi, trách nhiệm và cơ hội ngang nhau trong việc tham gia vào các lĩnh vực của đời sống xã hội, được tạo điều kiện như nhau để phát huy năng lực, tiếp cận các nguồn lực phát triển và thụ hưởng thành quả của sự phát triển"*. Từ góc độ nghiên cứu của luận án, BĐG là tiêu chí để đánh giá xu hướng biến đổi của QHG trong gia đình.

2.1.4. Quan hệ giới trong gia đình

Quan hệ giới trong gia đình là sự cụ thể hóa QHG trong thiết chế gia đình, phản ánh sự phân công vai trò, vị thế, quyền lực, trách nhiệm và khả năng tiếp cận, thụ hưởng các nguồn lực giữa nam và nữ trong quá trình thực hiện các chức năng của gia đình. Kế thừa và tổng hợp các quan điểm nêu trên, luận án xác định: *Quan hệ giới trong gia đình là hệ thống các mối quan hệ xã hội giữa nam và nữ trong phạm vi gia đình, phản ánh sự phân công vai trò, vị thế, trách nhiệm, quyền lực và khả năng tiếp cận, kiểm soát, thụ hưởng các nguồn lực; được hình thành và vận động trong những điều kiện kinh tế, văn hóa và thể chế xã hội nhất định.*

Theo giới hạn trong phạm vi nghiên cứu luận án tập trung vào QHG giữa vợ và chồng trên hai trục phân tích có quan hệ chặt chẽ. Thứ nhất là QHG trong phân công lao động, gồm lao động sản xuất tạo thu nhập, lao động nội trợ - chăm sóc và sự tham gia hoạt động cộng đồng. Thứ hai là QHG trong quá trình ra quyết định, được nhận diện qua người tham gia bàn bạc, trọng lượng tiếng nói, người quyết định cuối cùng và khả năng kiểm soát nguồn lực. Hai trục này phản ánh trực tiếp sự phân bổ trách nhiệm và quyền lực giữa vợ và chồng; các phương diện tài sản, đại diện xã hội và thụ hưởng được sử dụng như những chỉ báo bổ trợ, không đồng nhất "cùng tham gia" với bình đẳng thực chất.

2.1.5. Biến đổi quan hệ giới trong gia đình

Trên cơ sở khái niệm QHG trong gia đình và lý luận về biến đổi xã hội, luận án tiếp cận biến đổi QHG như sự vận động của các mối quan hệ giữa vợ và chồng dưới tác động của các điều kiện kinh tế, văn hóa và xã hội. Luận án quan niệm: *"Biến đổi quan hệ giới trong gia đình là quá trình thay đổi về mức độ, cách thức và tương quan vai trò, trách nhiệm, vị thế, khả năng tiếp cận - kiểm soát nguồn lực và trọng lượng tiếng nói giữa vợ và chồng trong quá trình thực hiện các chức năng của gia đình; được biểu hiện tập trung ở phân công lao động và quá trình ra quyết định, dưới tác động của những điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội và thể chế nhất định"*.

Đây là khái niệm trung tâm của luận án, làm cơ sở lý luận để phân tích thực trạng, xu hướng biến đổi, nguyên nhân, những vấn đề đặt ra và đề xuất quan điểm, giải pháp thúc đẩy QHG trong gia đình dân tộc Mông vùng trung du và MNPB Việt Nam theo hướng bình đẳng, tiến bộ.

2.2. QUAN HỆ GIỚI VÀ BIẾN ĐỔI QUAN HỆ GIỚI TRONG GIA ĐÌNH DÂN TỘC MÔNG VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM HIỆN NAY

2.2.1. Quan hệ giới trong gia đình dân tộc Mông vùng trung du và miền núi phía Bắc - Khái niệm và đặc điểm

Gia đình dân tộc Mông vừa mang những đặc điểm chung của gia đình Việt Nam, vừa mang những đặc trưng riêng gắn với điều kiện lịch sử, kinh tế, văn hóa và tổ chức xã hội của cộng đồng người Mông. Trên cơ sở kế thừa các

quan điểm nghiên cứu, luận án quan niệm: *Quan hệ giới trong gia đình dân tộc Mông vùng trung du và miền núi phía Bắc là hệ thống các mối quan hệ xã hội giữa nam và nữ trong gia đình người Mông, phản ánh sự phân công vai trò, vị thế, quyền lực, trách nhiệm và khả năng tiếp cận, kiểm soát, thụ hưởng các nguồn lực; được hình thành và vận động trong những điều kiện kinh tế, văn hóa và xã hội đặc thù của cộng đồng người Mông.*

Quan hệ giới trong gia đình dân tộc Mông vừa mang tính phổ biến của quan hệ giới trong gia đình Việt Nam, vừa có những đặc điểm riêng sau:

Thứ nhất, QHG trong gia đình dân tộc Mông mang đậm tính phụ hệ - phụ quyền. Đây là đặc điểm cơ bản phản ánh cấu trúc quyền lực giới trong gia đình dân tộc Mông, đồng thời là căn cứ để nhận diện sự biến đổi QHG trong bối cảnh hiện nay.

Thứ hai, QHG trong gia đình dân tộc Mông chịu sự chi phối sâu sắc của thiết chế dòng họ và luật tục. Vì vậy, mức độ tự chủ của vợ chồng trong nhiều quyết định gia đình còn chịu những giới hạn nhất định. Sự thay đổi vai trò của luật tục, sự gia tăng quyền tự chủ của vợ chồng và sự giảm dần mức độ can thiệp của dòng họ là những chỉ báo phản ánh sự biến đổi QHG.

Thứ ba, QHG trong gia đình dân tộc Mông chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của các khuôn mẫu văn hóa giới truyền thống. Những quan niệm về vai trò của nam giới và phụ nữ, trách nhiệm duy trì dòng họ, sinh con trai, thực hiện nghi lễ và các phong tục truyền thống tiếp tục tác động đến việc xác lập vai trò, vị thế của vợ và chồng trong gia đình. Các khuôn mẫu này vừa góp phần duy trì bản sắc văn hóa, vừa tạo ra những giới hạn đối với cơ hội phát triển và vị thế xã hội của phụ nữ.

Thứ tư, QHG trong gia đình dân tộc Mông vẫn tồn tại sự bất bình đẳng tương đối rõ nét trong phân công lao động, tiếp cận nguồn lực và quyền ra quyết định. Điều đó cho thấy dấu ấn của cấu trúc phụ hệ vẫn còn khá bền vững.

Những đặc điểm trên phản ánh QHG trong gia đình dân tộc Mông vừa mang tính ổn định của cấu trúc văn hóa truyền thống, vừa chịu tác động của quá trình phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập. Đây là cơ sở lý

luận để luận án phân tích nội dung và xu hướng biến đổi quan hệ giới trong các mục tiếp theo.

2.2.2. Biến đổi quan hệ giới trong gia đình dân tộc Mông vùng trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam - Khái niệm và nội dung

Trên cơ sở lý luận về biến đổi QHG trong gia đình và đặc điểm gia đình dân tộc Mông, luận án quan niệm: *Biến đổi quan hệ giới trong gia đình dân tộc Mông vùng trung du và miền núi phía Bắc là quá trình vận động và chuyển hóa tương quan về vai trò, vị thế, trách nhiệm và mức độ tham gia của vợ và chồng trong thực hiện các chức năng của gia đình, biểu hiện chủ yếu thông qua phân công lao động và quyền tham gia ra quyết định trong gia đình, dưới tác động của các điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội và các thiết chế truyền thống của cộng đồng người Mông*.

Luận án chỉ ra rằng sự biến đổi QHG trong gia đình dân tộc Mông không phải là sự thay thế hoàn toàn mô hình truyền thống bằng mô hình mới, mà là quá trình vận động mang tính chuyển tiếp, đan xen giữa bảo lưu và đổi mới, giữa các giá trị truyền thống và xu hướng BĐG hiện đại. Quá trình này phản ánh sự tác động của những biến đổi trong tồn tại xã hội đối với QHG trong gia đình.Trên cơ sở đó, luận án xây dựng khung phân tích nội dung biến đổi QHG gồm hai phương diện cơ bản:

Thứ nhất, biến đổi QHG trong phân công lao động gia đình, bao gồm: (1) biến đổi trong phân công lao động sản xuất giữa vợ và chồng; (2) biến đổi trong phân công lao động tái sản xuất (nội trợ, chăm sóc gia đình); và (3) biến đổi trong phân công lao động cộng đồng. Những nội dung này phản ánh sự thay đổi về vai trò kinh tế, trách nhiệm gia đình và mức độ chia sẻ giữa vợ và chồng trong bối cảnh phát triển KT-XH hiện nay.

Thứ hai, biến đổi QHG trong quyền tham gia ra quyết định, bao gồm: (1) biến đổi trong quyết định các hoạt động sản xuất và chi tiêu lớn của gia đình; (2) biến đổi trong quyết định các vấn đề đời sống và chi tiêu thường xuyên. Sự biến đổi được xem xét thông qua mức độ tham gia, vai trò và vị thế của vợ và chồng trong quá trình bàn bạc, quyết định và thực hiện các công việc của gia đình.

Việc xác định hai nội dung trên là khung phân tích trung tâm của luận án, bảo đảm sự thống nhất giữa cơ sở lý luận với nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp. Đây cũng là cơ sở để luận án đánh giá xu hướng biến đổi QHG trong gia đình dân tộc Mông theo hướng bình đẳng, tiến bộ ở Chương 3 và đề xuất hệ thống quan điểm, giải pháp ở Chương 4.

2.3. NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN BIẾN ĐỔI QUAN HỆ GIỚI TRONG GIA ĐÌNH DÂN TỘC MÔNG VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC

2.3.1. Điều kiện tự nhiên và kinh tế vùng trung du và miền núi phía Bắc

Điều kiện tự nhiên và trình độ phát triển kinh tế của vùng trung du và MNPB là nền tảng vật chất tác động trực tiếp đến tổ chức đời sống gia đình và QHG trong gia đình dân tộc Mông. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển hạ tầng, mở rộng sinh kế và nâng cao mức sống từng bước tạo điều kiện điều chỉnh phân công lao động và mở rộng vai trò của phụ nữ trong đời sống gia đình.

2.3.2. Nhân tố văn hóa - xã hội của dân tộc Mông vùng trung du và miền núi phía Bắc

Các giá trị văn hóa truyền thống, thiết chế dòng họ, luật tục, tín ngưỡng, cùng với trình độ dân trí, giáo dục và quá trình giao lưu văn hóa vừa tạo nên bản sắc của cộng đồng người Mông, vừa tác động trực tiếp đến sự vận động của QHG. Trong bối cảnh hiện nay, các yếu tố văn hóa truyền thống và các giá trị BĐG hiện đại cùng tồn tại, tạo nên tính chất chuyển tiếp và không đồng đều của quá trình biến đổi QHG trong gia đình.

2.3.3. Chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về phát triển dân tộc Mông vùng trung du và miền núi phía Bắc

Quan điểm của Đảng, chính sách dân tộc, chính sách BĐG và hệ thống pháp luật của Nhà nước là nhân tố định hướng và tạo khuôn khổ thể chế cho sự biến đổi QHG trong gia đình dân tộc Mông. Việc triển khai các chương trình phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS, cùng với các chính sách về BĐG, gia đình và phát triển nguồn nhân lực đã góp phần từng bước nâng cao vị thế của phụ nữ, thúc đẩy sự điều chỉnh QHG theo hướng bình đẳng, tiến bộ.

2.3.4. Kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và truyền thông số

Sự phát triển của kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và truyền thông số đã mở rộng cơ hội tiếp cận tri thức, việc làm, dịch vụ và các giá trị xã hội mới của đồng bào dân tộc Mông. Những yếu tố này thúc đẩy sự thay đổi trong nhận thức, vai trò, vị thế và phương thức tổ chức đời sống gia đình, đồng thời tạo động lực cho quá trình biến đổi QHG theo hướng dân chủ, linh hoạt và bình đẳng hơn.

Trên cơ sở phân tích các nhân tố tác động, luận án xây dựng hệ thống nhân tố theo mối quan hệ biện chứng giữa điều kiện tự nhiên - kinh tế, nhân tố văn hóa - xã hội, nhân tố thể chế và bối cảnh phát triển hiện đại. Đây là cơ sở lý luận quan trọng để lý giải thực trạng và xu hướng biến đổi QHG trong gia đình dân tộc Mông ở Chương 3, đồng thời đề xuất hệ thống quan điểm và giải pháp phù hợp ở Chương 4.

Tiểu kết chương 2

Chương 3
BIẾN ĐỔI QUAN HỆ GIỚI TRONG GIA ĐÌNH DÂN TỘC MÔNG VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM HIỆN NAY: THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. THỰC TRẠNG BIẾN ĐỔI QUAN HỆ GIỚI TRONG GIA ĐÌNH DÂN TỘC MÔNG VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1.1. Thực trạng biến đổi quan hệ giới trong phân công lao động gia đình

3.1.1.1. Biến đổi quan hệ giới trong phân công lao động sản xuất giữa vợ và chồng

Kết quả nghiên cứu cho thấy phân công lao động sản xuất đang chuyển từ mô hình phân vai cứng nhắc theo giới sang xu hướng linh hoạt và tăng cường phối hợp giữa vợ và chồng. Mô hình "vợ chồng cùng tham gia" ngày càng phổ biến; vai trò kinh tế của phụ nữ được mở rộng; sự khác biệt về phân công lao

động giữa các giới có xu hướng giảm dần. Tuy nhiên, sự biến đổi diễn ra không đồng đều giữa các nhóm công việc, các thế hệ và các địa bàn; các công việc đòi hỏi kỹ thuật, sức khỏe hoặc gắn với quyền lực biểu tượng vẫn chủ yếu do nam giới đảm nhiệm.

3.1.1.2. Biến đổi quan hệ giới trong phân công công việc tái sản xuất (nội trợ và chăm sóc) gia đình giữa vợ và chồng

Trong lao động tái sản xuất, xu hướng chia sẻ trách nhiệm giữa vợ và chồng ngày càng rõ hơn, đặc biệt ở các gia đình trẻ. Nam giới đã tham gia nhiều hơn vào công việc nội trợ và chăm sóc con cái; việc tổ chức đời sống gia đình ngày càng dựa trên sự phối hợp giữa hai vợ chồng. Tuy nhiên, phụ nữ vẫn là chủ thể gánh vác phần lớn lao động tái sản xuất, cho thấy dấu ấn của khuôn mẫu giới truyền thống vẫn còn khá bền vững.

3.1.1.3. Biến đổi quan hệ giới trong tham gia hoạt động cộng đồng giữa vợ và chồng

Sự tham gia của phụ nữ vào các hoạt động xã hội và cộng đồng có xu hướng gia tăng, song mức độ biến đổi diễn ra chậm hơn so với lao động sản xuất và lao động tái sản xuất. Những lĩnh vực gắn với vai trò đại diện gia đình, quan hệ dòng họ và các thiết chế cộng đồng vẫn chủ yếu do nam giới đảm nhiệm. Điều này cho thấy không gian cộng đồng là lĩnh vực bảo lưu khá bền vững các chuẩn mực giới truyền thống.

3.1.2. Thực trạng biến đổi quan hệ giới trong quyền ra quyết định các công việc của gia đình giữa vợ và chồng

3.1.2.1. Biến đổi quan hệ giới trong quyết định hoạt động sản xuất và chi tiêu lớn của gia đình

Quyền tham gia ra quyết định của phụ nữ trong các hoạt động sản xuất, đầu tư và chi tiêu lớn được mở rộng theo xu hướng tăng cường bàn bạc và cùng quyết định giữa vợ và chồng. Tuy nhiên, sự biến đổi diễn ra nhanh hơn trong thực hành kinh tế so với quyền sở hữu tài sản và các quyết định gắn với quyền lực biểu tượng; nam giới vẫn giữ vai trò nổi trội trong những lĩnh vực liên quan đến tài sản, dòng họ và đại diện gia đình.

3.1.2.2. Trong việc ra quyết định về đời sống và chi tiêu thường xuyên của gia đình

Trong các quyết định về tổ chức đời sống và chi tiêu thường nhật, mô hình "cùng bàn bạc, cùng quyết định" ngày càng trở thành xu hướng phổ biến. Vai trò của người vợ trong quản lý kinh tế hộ và tổ chức đời sống gia đình được nâng lên. Tuy nhiên, các quyết định liên quan đến đời sống văn hóa - tâm linh, quan hệ cộng đồng và các hoạt động mang tính biểu tượng vẫn chịu ảnh hưởng khá rõ của mô hình phụ hệ truyền thống.

Kết quả nghiên cứu cho thấy quá trình biến đổi QHG trong gia đình dân tộc Mông không diễn ra theo xu hướng thay thế hoàn toàn mô hình truyền thống mà mang tính chuyển tiếp, đan xen giữa các giá trị phụ hệ truyền thống và xu hướng bình đẳng giới hiện đại. Sự biến đổi diễn ra nhanh hơn trong các lĩnh vực gắn với hoạt động kinh tế và đời sống thường nhật, nhưng chậm hơn ở các lĩnh vực gắn với quyền lực biểu tượng, thiết chế dòng họ và đời sống văn hóa - tâm linh. Đồng thời, mức độ biến đổi có sự khác biệt rõ theo thế hệ và địa bàn cư trú. Đây là phát hiện thực tiễn quan trọng, tạo cơ sở để luận án phân tích nguyên nhân, những vấn đề đặt ra và đề xuất quan điểm, giải pháp ở các mục tiếp theo.

3.2. NGUYÊN NHÂN VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TỪ SỰ BIẾN ĐỔI QUAN HỆ GIỚI TRONG GIA ĐÌNH DÂN TỘC MÔNG VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM HIỆN NAY

3.2.1. Nguyên nhân của sự biến đổi quan hệ giới trong gia đình dân tộc Mông vùng trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay

3.2.1.1. Nguyên nhân kinh tế - xã hội

Luận án chỉ ra rằng sự phát triển KT-XH là nguyên nhân nền tảng thúc đẩy biến đổi QHG trong gia đình dân tộc Mông. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đa dạng hóa sinh kế, phát triển kinh tế hàng hóa, du lịch cộng đồng, mở rộng tín dụng và di cư lao động đã tạo điều kiện nâng cao vai trò kinh tế của phụ nữ, mở rộng sự tham gia của họ vào quản lý gia đình và các quyết định chung. Tuy nhiên, sự phát triển kinh tế giữa các địa bàn còn không đồng đều, cùng với hạn

chế trong tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực, đặc biệt là quyền sở hữu đất đai, tiếp tục tạo ra những rào cản đối với quá trình biến đổi QHG.

3.2.1.2. Nguyên nhân cơ chế, chính sách

Chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về BĐG, gia đình, công tác dân tộc và phát triển vùng đồng bào DTTS đã tạo khuôn khổ thể chế quan trọng thúc đẩy sự biến đổi QHG. Thông qua việc thực thi các chương trình, dự án phát triển và hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở, các giá trị BĐG từng bước được chuyển hóa thành chuẩn mực ứng xử trong gia đình và cộng đồng người Mông. Tuy nhiên, hiệu quả của quá trình này vẫn phụ thuộc vào điều kiện thực thi chính sách và đặc điểm văn hóa của từng địa bàn.

3.2.1.3. Nguyên nhân về nhận thức - văn hóa

Bên cạnh những tác động tích cực của giáo dục, truyền thông và giao lưu văn hóa, các giá trị phụ hệ, luật tục, tín ngưỡng và thiết chế dòng họ vẫn tiếp tục chi phối mạnh việc phân công vai trò, quyền lực và vị thế giữa vợ và chồng. Vì vậy, quá trình biến đổi QHG không chỉ chịu tác động của sự phát triển kinh tế mà còn phụ thuộc vào mức độ chuyển biến của các chuẩn mực văn hóa và nhận thức xã hội.

3.2.2. Một số vấn đề đặt ra từ sự biến đổi quan hệ giới trong gia đình dân tộc Mông vùng trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay

3.2.2.1. Mâu thuẫn giữa sự thay đổi trong thực hành với sự chuyển biến còn chậm của nhận thức và chuẩn mực giới

3.2.2.2. Mâu thuẫn giữa yêu cầu bình đẳng thực chất với khả năng tiếp cận và kiểm soát nguồn lực còn hạn chế

3.2.2.3. Mâu thuẫn giữa định hướng chính sách với mức độ cụ thể hóa phù hợp đặc thù văn hóa và địa bàn

3.2.2.4. Mâu thuẫn giữa năng lực tổ chức thực hiện với cơ chế phối hợp của các chủ thể ở cơ sở

3.2.2.5. Mâu thuẫn giữa năng lực với điều kiện tham gia của phụ nữ, nam giới và cộng đồng trong thay đổi quan hệ giới

Từ việc phân tích nguyên nhân và những vấn đề đặt ra, luận án khẳng định sự biến đổi QHG trong gia đình dân tộc Mông là kết quả tác động tổng hợp của các nhân tố KT-XH, văn hóa và thể chế. Quá trình này vừa chịu sự quy định của điều kiện tồn tại xã hội, vừa chịu sự chi phối của các thiết chế văn hóa và ý thức xã hội truyền thống. Đây là cơ sở lý luận và thực tiễn để luận án đề xuất hệ thống quan điểm và giải pháp thúc đẩy QHG trong gia đình dân tộc Mông theo hướng bình đẳng, tiến bộ ở Chương 4.

Tiểu kết chương 3

Chương 4
QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY BIẾN ĐỔI QUAN HỆ GIỚI TRONG GIA ĐÌNH DÂN TỘC MÔNG VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM THEO XU HƯỚNG BÌNH ĐẲNG, TIẾN BỘ

4.1. QUAN ĐIỂM THÚC ĐẨY BIẾN ĐỔI QUAN HỆ GIỚI TRONG GIA ĐÌNH DÂN TỘC MÔNG VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM THEO XU HƯỚNG BÌNH ĐẲNG, TIẾN BỘ

4.1.1. Thúc đẩy biến đổi quan hệ giới bình đẳng, tiến bộ trong gia đình dân tộc Mông vùng trung du và miền núi phía Bắc phải gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội bền vững của vùng

Biến đổi quan hệ giới phải được đặt trong tổng thể chiến lược phát triển vùng trung du và miền núi phía Bắc; phát triển KT-XH vừa là điều kiện, vừa là động lực tạo chuyển biến về vai trò, vị thế và quyền tham gia của phụ nữ trong gia đình.

4.1.2. Thúc đẩy biến đổi quan hệ giới theo hướng bình đẳng, tiến bộ trong gia đình dân tộc Mông phải gắn với chiến lược xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc Mông

Thúc đẩy QHG bình đẳng trong gia đình cần bảo đảm sự thống nhất giữa xây dựng gia đình Việt Nam hiện đại với việc kế thừa, phát huy các giá trị văn

hóa tích cực của dân tộc Mông; đồng thời từng bước loại bỏ những tập quán cản trở bình đẳng giới và sự phát triển của gia đình

4.1.3. Thúc đẩy sự biến đổi quan hệ giới trong gia đình dân tộc Mông vùng trung du và miền núi phía Bắc theo hướng bình đẳng, tiến bộ phải đảm bảo sự thống nhất giữa định hướng chính sách và thực tiễn xã hội ở cơ sở

Việc thực hiện các chủ trương, chính sách về BĐG cần phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hóa, phong tục và trình độ phát triển của cộng đồng người Mông, bảo đảm tính khả thi và hiệu quả trong thực tiễn.

4.1.4. Thúc đẩy biến đổi quan hệ giới theo hướng bình đẳng, tiến bộ trong gia đình dân tộc Mông phải phát huy tính chủ động và năng lực tự biến đổi của các chủ thể trong gia đình và cộng đồng người Mông

Phụ nữ, nam giới, gia đình và cộng đồng người Mông cần được phát huy vai trò chủ thể trong quá trình chuyển đổi các chuẩn mực giới; kết hợp giữa sự hỗ trợ của Nhà nước với năng lực tự thay đổi của chính cộng đồng để tạo ra sự biến đổi bền vững.

4.2. GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY BIẾN ĐỔI QUAN HỆ GIỚI TRONG GIA ĐÌNH DÂN TỘC MÔNG VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM THEO XU HƯỚNG BÌNH ĐẲNG, TIẾN BỘ

4.2.1. Nâng cao nhận thức của các chủ thể về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc thúc đẩy quan hệ giới bình đẳng, tiến bộ trong gia đình dân tộc Mông vùng trung du và miền núi phía Bắc

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục và truyền thông nhằm chuyển biến nhận thức, thay đổi các khuôn mẫu giới truyền thống và nâng cao trách nhiệm của các chủ thể trong xây dựng gia đình bình đẳng, tiến bộ.

4.2.2. Phát triển kinh tế hộ gia đình, đa dạng hóa sinh kế và tăng cường trao quyền tiếp cận, kiểm soát nguồn lực cho phụ nữ Mông trong vùng

Phát triển sinh kế bền vững, mở rộng cơ hội việc làm và nâng cao khả năng tiếp cận, kiểm soát các nguồn lực kinh tế của phụ nữ nhằm tạo nền tảng vật chất cho sự biến đổi QHG.

4.2.3. Hoàn thiện thể chế, chính sách và nâng cao hiệu quả thực thi chính sách về bình đẳng giới phù hợp với đặc thù văn hóa dân tộc Mông ở vùng trung du và miền núi phía Bắc

Tiếp tục hoàn thiện chính sách, nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện và tăng cường lồng ghép BĐG trong các chương trình phát triển vùng đồng bào DTTS.

4.2.4. Hoàn thiện cơ chế phối hợp của hệ thống chính trị cơ sở và phát huy vai trò người có uy tín trong cộng đồng Mông nhằm thúc đẩy quan hệ giới bình đẳng, tiến bộ trong gia đình

Phát huy vai trò của cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội và người có uy tín trong việc vận động cộng đồng thay đổi các chuẩn mực giới, xây dựng môi trường xã hội thuận lợi cho sự biến đổi QHG.

4.2.5. Phát huy vai trò chủ thể của phụ nữ Mông đồng thời tăng cường trách nhiệm của nam giới, gia đình và cộng đồng trong thúc đẩy quan hệ giới bình đẳng, tiến bộ

Nâng cao năng lực, vị thế và quyền tham gia của phụ nữ; đồng thời khuyến khích nam giới cùng chia sẻ trách nhiệm và xây dựng cơ chế để gia đình, cộng đồng người Mông chủ động tham gia kiến tạo các chuẩn mực giới mới theo hướng bình đẳng, tiến bộ.

Điểm nổi bật của Chương 4 là luận án đã xây dựng được một hệ thống quan điểm và giải pháp có tính chỉnh thể, xuất phát từ những nguyên nhân và vấn đề đặt ra của quá trình biến đổi QHG. Hệ thống này không chỉ nhấn mạnh vai trò của phát triển kinh tế, hoàn thiện thể chế và bảo tồn giá trị văn hóa tích cực, mà còn coi phát huy vai trò chủ thể của phụ nữ, nam giới và cộng đồng người Mông là điều kiện quyết định để chuyển hóa những biến đổi bên ngoài thành sự thay đổi nội sinh, bền vững của QHG trong gia đình.

Tiểu kết chương 4

KẾT LUẬN

Nghiên cứu đề tài "*Biến đổi quan hệ giới trong gia đình dân tộc Mông vùng trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay*" có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn. Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, luận án tiếp cận QHG trong gia đình dân tộc Mông như một dạng quan hệ xã hội đặc thù, luôn vận động và biến đổi dưới sự tác động của các điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội và các thiết chế xã hội. Từ kết quả nghiên cứu, có thể rút ra những kết luận chủ yếu sau:

1. Luận án đã hệ thống hóa và phân tích có chọn lọc các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến QHG, BĐG, gia đình DTTS và gia đình dân tộc Mông; đồng thời chỉ ra những giá trị khoa học đã được xác lập cũng như khoảng trống nghiên cứu cần tiếp tục làm rõ. Kết quả tổng quan khẳng định, mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu về gia đình, giới và BĐG, song chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống sự biến đổi QHG giữa vợ và chồng trong gia đình dân tộc Mông vùng trung du và MNPB dưới góc độ triết học, gắn kết giữa cơ sở lý luận, thực trạng, các nhân tố tác động, những vấn đề đặt ra với hệ thống quan điểm và giải pháp thúc đẩy QHG theo hướng bình đẳng, tiến bộ. Đây là cơ sở để luận án xác lập hướng nghiên cứu và xây dựng khung lý luận của đề tài.

2. Luận án đã xây dựng khung lý luận nghiên cứu biến đổi QHG trong gia đình dân tộc Mông dưới góc độ triết học. Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các kết quả nghiên cứu trước, luận án làm rõ hệ thống khái niệm công cụ; xác định hai nội dung cơ bản là phân công lao động giữa vợ và chồng và quá trình ra quyết định trong gia đình; đồng thời luận giải các nhóm nhân tố tác động. Khung lý luận nhấn mạnh mối liên hệ biện chứng giữa điều kiện vật chất, ý thức xã hội, thiết chế và hoạt động của các chủ thể; qua đó tạo cơ sở để nhận diện mức độ, chiều hướng và tính không đồng đều của biến đổi QHG.

3. Kết quả nghiên cứu cho thấy QHG giữa vợ và chồng trong gia đình dân tộc Mông vùng trung du và MNPB có xu hướng tăng cường chia sẻ trách nhiệm, mở rộng sự bàn bạc và từng bước nâng cao tiếng nói của phụ nữ, nhưng quá trình này không đồng đều giữa các lĩnh vực, thế hệ và địa bàn. Sự thay đổi thể hiện rõ hơn trong phân công lao động và các quyết định thường nhật; trong khi quyền tài sản, quyền quyết định cuối cùng, nghi lễ và vai trò đại diện dòng họ vẫn chịu ảnh hưởng mạnh của cấu trúc phụ hệ. Dữ liệu khảo

sát cắt ngang năm 2025, được đối chiếu với tư liệu nghiên cứu trước và dữ liệu định tính, cho phép nhận diện xu hướng chứ không chứng minh một chuỗi biến đổi nhân quả ở cùng nhóm hộ từ năm 2007. Dưới góc độ triết học, biến đổi QHG là quá trình vận động đan xen giữa đổi mới và bảo lưu, giữa yêu cầu phát triển KT-XH với sức bền của các chuẩn mực văn hóa. Trên cơ sở đó, luận án xác định năm vấn đề cần giải quyết để thúc đẩy QHG theo hướng bình đẳng, tiến bộ và bền vững.

4. Từ những kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn, luận án đã xác lập hệ thống quan điểm mang tính phương pháp luận và đề xuất năm nhóm giải pháp thúc đẩy biến đổi QHG trong gia đình dân tộc Mông vùng trung du và MNPB. Điểm nhấn của luận án không chỉ nằm ở việc đề xuất các giải pháp cụ thể, mà còn ở việc xác lập cách tiếp cận coi thúc đẩy biến đổi QHG là quá trình chuyển biến đồng bộ giữa điều kiện KT-XH, thiết chế văn hóa và năng lực chủ thể, trong đó phát triển kinh tế, hoàn thiện thể chế, chuyển biến nhận thức, phát huy vai trò của hệ thống chính trị cơ sở và nâng cao năng lực chủ thể của phụ nữ có mối quan hệ thống nhất, tác động qua lại và bổ trợ lẫn nhau. Theo đó, thúc đẩy QHG trong gia đình dân tộc Mông không thể chỉ dựa vào sự thay đổi của một nhân tố riêng lẻ, mà đòi hỏi sự kết hợp giữa phát triển kinh tế với xây dựng văn hóa, giữa thực thi chính sách với phát huy nội lực cộng đồng, giữa bảo tồn các giá trị truyền thống tích cực với chuyển hóa những tập quán không còn phù hợp. Đây cũng là đóng góp có ý nghĩa phương pháp luận của luận án đối với nghiên cứu và thúc đẩy QHG trong gia đình các DTTS ở Việt Nam.

Tổng thể, luận án góp phần bổ sung và làm sâu sắc cơ sở lý luận về biến đổi QHG trong gia đình dân tộc Mông dưới góc độ triết học; đồng thời cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn cho việc hoạch định, hoàn thiện và tổ chức thực hiện chính sách về BĐG, gia đình và phát triển vùng đồng bào DTTS. Những kết quả nghiên cứu của luận án không chỉ có ý nghĩa đối với việc thúc đẩy QHG trong gia đình dân tộc Mông vùng trung du và MNPB theo hướng bình đẳng, tiến bộ và bền vững, mà còn góp phần gợi mở cách tiếp cận nghiên cứu QHG trong gia đình các DTTS từ góc độ triết học xã hội, phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và hoạch định chính sách trong bối cảnh phát triển và hội nhập hiện nay.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Tạ Thị Thanh Tâm (2025), "Tảo hôn ở đồng bào Mông vùng trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam: Thực trạng và nguyên nhân", *Tạp chí Khoa học Phụ nữ Việt Nam*, ISSN 2615-9007, Quyển 30, tr.43-50.
2. Tạ Thị Thanh Tâm (2025), "Gia đình người Mông ở Việt Nam: Từ hệ giá trị truyền thống đến hiện đại", *Tạp chí Chủ nghĩa xã hội - Lý luận và thực tiễn*; ISSN 2615 - 9473, Số 39, tr.44-51.
3. Tạ Thị Thanh Tâm (2025), "Vận dụng, phát triển quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về quan hệ giới trong gia đình", *Tạp chí điện tử Lý luận chính trị*, ISSN 2525 - 2607, tháng 11/2025 https://lyluanchinhtri.vn/van-dung-phat-trien-quan-diem-cua-chu-nghia-mac-lenin-ve-quan-he-gioi-trong-gia-dinh-10306.html
4. Tạ Thị Thanh Tâm (2025), "Số hoá giá trị văn hoá gia đình người Mông góp phần nâng cao nhận thức tiến bộ về bình đẳng giới cho thế hệ trẻ trong kỷ nguyên số", *Tạp chí Giáo dục lý luận*, ISSN 0868-3492, tr.74-78.
5. Tạ Thị Thanh Tâm (2026), "Sự tham gia ứng cử Hội đồng nhân dân của phụ nữ dân tộc Mông: cơ hội, rào cản và những vấn đề đặt ra", *Tạp chí Khoa hoc Phụ nữ Việt Nam*, ISSN 2615-9007, DOI: https://doi.org/10.65607/21sp226; số chuyên đề 02, tr.273-287